

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tập.
2. Ông Nguyễn Đức Thủy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐST- HNGĐ ngày 25/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST - HNGĐ ngày 16/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ a, khu b, phường QT, thành phố U, Quảng Ninh. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Trần Đình H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ a, khu b, phường QT, thành phố U, Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Đình H cùng chung sống với nhau từ năm 1997 tại tổ a, khu b, phường QT, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh và đã có 01 người con chung là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 14/11/1998. Đến ngày 30/7/2003, bà Th và ông H mới cùng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Do vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn nên bà Th làm đơn xin ly hôn với ông H.

Quan điểm của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th: Vợ chồng chung sống đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Th là do từ khi kết hôn đến nay ông H sống không có trách nhiệm với gia đình. Mọi công việc chi tiêu sinh hoạt trong

gia đình đều do bà Th thu vén. Cháu H (con đẻ của ông H và bà Th) học tại Học viện Âm nhạc Quốc gia tại Hà Nội, tuy nhiên ông H không đưa bất cứ khoản tiền gì để nuôi con cũng như tiền chi tiêu sinh hoạt hàng ngày, mặc dù ông H làm việc tại Nhà máy điện U có lương hàng tháng. Bên cạnh đó ông H còn thường xuyên chơi cờ bạc. Năm 2008, ông H và bà Th có sống ly thân tuy nhiên ông H có xin lỗi và hứa sửa chữa nên bà Th đã quay về chung sống với ông H. Đến năm 2009, bà Th và ông H lại tiếp tục sống ly thân do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, tuy nhiên do gia đình bên ngoại có động viên khuyên bảo nên bà Th lại tiếp tục tha thứ cho ông H. Đến năm 2010, ông H vẫn chứng nào tật đấy, không thay đổi nên bà Th, ông H chính thức sống ly thân. Từ năm 2010, bà Th và ông H sống ly thân nhưng vẫn cùng nhà, kinh tế, sinh hoạt riêng, không ai quan tâm nói chuyện với nhau. Từ cuối tháng 5/2019 cho đến nay bà Th thuê nhà ra sống riêng tại phố H, phường T, thành phố U không còn sống cùng nhà với ông H. Nay, bà Th đề nghị được ly hôn với ông H. Về con chung: có 01 con chung là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 14/11/1998 (đã trưởng thành) nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bị đơn ông Trần Đình H: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bà Th có thái độ sống lạnh nhạt với ông H. Mặc dù vậy, bà Th và ông H vẫn ăn chung với nhau, trong bữa cơm hàng ngày tuy không còn vui vẻ như trước. Đến khoảng tháng 5/2019 cho đến nay bà Th bỏ ra ngoài thuê nhà trọ ở. Ông H nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông H là không lớn, việc bà Th trình bày về mâu thuẫn gia đình là không đúng vì ông H làm ở Nhà máy điện U mức lương hạn chế và ông H phải lo chi phí cho một người con riêng ăn học. Ngoài ra, ông H vẫn phải chi tiêu cho các khoản trong gia đình và việc bà Th trình bày ông H chơi cờ bạc là không đúng. Trong quá trình sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay, ông H có chủ động gặp bà Th để động viên, nói chuyện nhưng bà Th cố tình không tiếp xúc với ông H. Ông H cho rằng mâu thuẫn giữa ông và bà Th là chưa lớn nên không đồng ý ly hôn với bà Th.

Tại biên bản xác minh ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh - ông Đặng Minh T (Phó khu b, phường QT, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh) cung cấp sự việc: Bà Th và ông H là công dân cư trú tại địa chỉ tổ a, khu b, phường QT, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống bà Th, ông H có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông T được biết là do vợ chồng bất đồng quan điểm gửi đơn xin ly hôn ông H, ông T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh - bà Trần Thị N (Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ khu b phường QT, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh) cung cấp sự việc: Bà Th và ông H cùng sinh sống tại địa chỉ tổ a, khu b, phường QT, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hiện tại bà Th đã thuê nhà ra ở riêng và không còn sống chung với ông H tại địa chỉ tổ a, khu b, phường QT, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Nay, bà Th gửi đơn xin ly hôn ông H, bà N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của BLLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình có căn cứ chấp nhận cho bà Th được ly hôn ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình với ông Trần Đình H và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn ông Trần Đình H có nơi cư trú tại tổ a, khu b, phường QT, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Đình H từ tháng 5 năm 2003 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. HĐXX xét thấy để cuộc sống vợ chồng tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, phải thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, bà Th và ông H phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế trong gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, nay dù tuổi cũng đã cao nhưng bà Th vẫn đi thuê nhà trọ để ở, sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông H đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

Tuyên xử:

1. Cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn ông Trần Đình H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Th đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000933 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25 tháng 10 năm 2019.

Vắng mặt bị đơn ông Trần Đình H, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- UBND phường Quang Trung (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thanh Hà